

Số: 71 /TB-CT

DakLak, ngày 22 tháng 3 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SỞ GDCK HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX)

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
- Mã chứng khoán: SMB
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak
- Điện thoại liên hệ: 0262.3877519 Fax: 0262.3877455
- Người thực hiện công bố thông tin: VŨ TUẤN ANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.

- Loại thông tin công bố:

24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung trân trọng công bố thông tin về việc thông báo ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và tài liệu đại hội.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: www.biasaigonmt.com

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

1. Thông báo tổ chức đại hội;
2. Tài liệu đại hội.

Người được ủy quyền CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

-Điện thoại: (84-262) 3877519;

-Fax: (84-262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com;

-Email: smb@biasaigonmt.com

THÔNG BÁO

Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

***Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**

Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung trân trọng thông báo đến toàn thể Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- 1. Thời gian tổ chức Đại hội:** Từ 8 giờ 00, Thứ Hai, ngày 12 tháng 4 năm 2021.
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty, số 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột.
- 3. Nội dung Đại hội:**
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020.
 - Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán.
 - Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.
 - Báo cáo trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
 - Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS.
 - Tờ trình về việc ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2021.
 - Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- 4. Thành phần tham dự Đại hội:**
 - Tất cả cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung theo danh sách chốt ngày 12/3/2021.
 - Trường hợp Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền người khác tham dự (Theo mẫu Giấy ủy quyền). Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại người thứ 3.
 - Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông mang theo Thư mời, CMND hoặc Hộ chiếu (Bản chính), Giấy ủy quyền bản chính (nếu được ủy quyền) để xác nhận danh sách dự Đại hội.
 - Vì sức khỏe cộng đồng, Quý cổ đông, người đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm virus Covid-19 theo hướng dẫn của Ban tổ chức, chiếu theo quy định hiện hành tại thời điểm đại hội.
- 5. Các vấn đề khác:**
 - Tài liệu Đại hội được đăng tải tại Website: www.biasaigonmt.com/quan-he-co-dong.
 - Để công tác tổ chức được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền dự Đại hội, gửi lại Công ty trước 16g00, thứ Tư, ngày 07/4/2021 qua đường bưu điện, hoặc fax về số: 0262-3877455.
 - Thông báo này thay Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận Thư mời.
 - Mọi chi tiết vui lòng liên hệ A. Trần Hữu Phú (ĐT: 0262-3877519/DDĐ: 0913449007).

Trân trọng thông báo.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT HCM;
- VP Công ty, Chi nhánh, Cty TM;
- Website Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HĐQT.

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

-Điện thoại: (84-0262) 3877519;

-Fax: (84-0262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com ;

-Email: smb@biasaigonmt.com



GIẤY XÁC NHẬN DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI*

- Tên cá nhân/Tổ chức:

- Mã số (theo thư mời):

Hiện đang sở hữucổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, nay tôi/Công ty chúng tôi:

- Xác nhận dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Ủy quyền cho Ông (Bà)....., CMND số:.....
- Ủy quyền cho Ông Lâm Du An, Chủ tịch HĐQT
- Ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Dũng, Tổng Giám đốc
- Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Dũng, Trưởng Ban kiểm soát

Thay mặt tôi/Công ty chúng tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung. Người đại diện này có đủ thẩm quyền và trách nhiệm tham gia thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú: Quý Cổ đông có thể ghi mới hoặc điền các thông tin tương ứng vào mẫu này và gửi bằng đường bưu điện hoặc Fax đến Công ty theo địa chỉ:*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

- 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

- Điện thoại: 0262-3877519.

- Fax: 0262-3877455.

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Thời gian : 08h00', ngày 12 tháng 4 năm 2021

Địa điểm : Số 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak



Thời gian	Chương trình
Bắt đầu từ 8h00' – 11h30'	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông và kiểm tra y tế, điền tờ khai y tế (nếu có)
	- Kiểm tra tư cách cổ đông và phát Tài liệu
	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
	Giới thiệu Nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội
	- Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu;
	- Thông qua Chương trình Đại hội;
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;
	Chương trình nghị sự
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2020 và kế hoạch hoạt động 2021
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021
	- Báo cáo Tài chính năm 2020 đã kiểm toán
	- Phân phối lợi nhuận năm 2020
	- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021
	- Quyết toán thù lao 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty
	- Kế hoạch thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty
	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021
	- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS
	- Tờ trình về việc ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2021
	- Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh
	- Nội dung khác
	Thảo luận
	Biểu quyết
	Giải lao
	Công bố kết quả Biểu quyết
	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
	Tuyên bố bế mạc Đại hội

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung;

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

- 1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (gọi tắt là Đại Hội) của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Miền Trung.
- 1.2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại Hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội.
- 1.3. Cổ đông và các bên tham gia Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Mục tiêu

- 2.1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- 2.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại Hội được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**CHƯƠNG II
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Điều 3: Đoàn Chủ tọa Đại Hội

Đoàn Chủ tọa gồm 02 thành viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại Hội và Thành viên còn lại do Chủ tọa giới thiệu, được Ban tổ chức trình Đại Hội biểu quyết thông qua.

Điều 4: Thư ký Đại Hội và Ban kiểm phiếu

Thư ký Đại Hội và Ban kiểm phiếu do Ban tổ chức Đại Hội đề nghị và được Đại Hội biểu quyết thông qua.



CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Đoàn Chủ tọa

- Chủ trì Đại Hội;
- Trình bày chương trình, các nội dung để Đại Hội biểu quyết thông qua.
- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại Hội;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại Hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại Hội yêu cầu;
- Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại Hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có chức năng duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại Hội.

Điều 6: Nhiệm vụ của Thư ký Đại Hội

- 6.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại Hội.
- 6.2. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản họp, Nghị quyết của Đại Hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- 6.3. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 7: Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- 7.1. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông hoặc người được ủy quyền.
- 7.2. Thực hiện việc kiểm đếm số Phiếu biểu quyết tại Đại Hội.
- 7.3. Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại Hội.
- 7.4. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, giao cho Chủ tọa Đại Hội.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông

- 8.1. Điều kiện tham dự
 - Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 12/3/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
 - Vì sức khỏe cộng đồng, Quý cổ đông, người đại diện cổ đông khi tham dự Đại Hội phải thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm virus Covid-19 theo hướng dẫn của Ban tổ chức, chiếu theo quy định hiện hành tại thời điểm Đại Hội.

- Cổ đông, người đại diện cổ đông khi tham dự Đại Hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền ...) và Thư mời họp để làm thủ tục tại Bộ phận thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Phiếu biểu quyết (có ghi mã số cổ đông, ứng với mã số này là số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu) và tài liệu Đại Hội.
- Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại Hội không được nhận Phiếu biểu quyết và tài liệu tại Đại Hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận các tài liệu trên.
- Người được ủy quyền tham dự Đại Hội không được ủy quyền lại bên thứ ba.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại Hội

- Trong thời gian diễn ra Đại Hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa, chỉ được phát biểu khi chủ tọa cho phép trên tinh thần ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- Cổ đông đến Đại Hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại Hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại Hội để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại Hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết phía sau.
- Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại Hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại Hội.

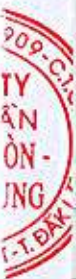
CHƯƠNG IV CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 9: Tiến hành Đại Hội

Cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung do trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 12/3/2021.

Điều 10: Thảo luận và chất vấn tại Đại Hội

- 10.1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại Hội, Đoàn Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại Hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách tiến hành giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu góp ý gửi cho Đoàn Chủ tọa.
- 10.2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại Hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Thời lượng phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút. Chủ



tọa Đại Hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

- 10.3 Thời gian thảo luận và chất vấn tại Đại Hội: Theo chương trình đã được Đại Hội thông qua, hết thời gian Đại Hội nếu còn ý kiến gì khác đề nghị cổ đông gửi bằng phiếu ý kiến qua Thư ký Đại Hội, Chủ tịch HĐQT/TGD Công ty có trách nhiệm trả lời bằng văn bản chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc Đại Hội.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11: Điều khoản thi hành

- 11.1. Quy chế tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có 5 Chương, 11 Điều. *Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.*
- 11.2. Đoàn Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại Hội theo Quy chế này.
- 11.3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

*Nơi nhận:

- Website Cty (www.biasaigonmt.com)
- Cổ đông tại Đại Hội



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLak

-Điện thoại: (84-262) 3877519;

-Fax: (84-262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com;

-Email: smb@biasaigonmt.com

DANH SÁCH

Các vấn đề thảo luận và biểu quyết thông qua
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
(Ngày 12 tháng 4 năm 2021)



1. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch năm 2021.
2. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch năm 2021.
3. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán.
4. Biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
5. Biểu quyết thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021.
6. Biểu quyết thông qua Tờ trình về quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021.
7. Biểu quyết thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS.
8. Biểu quyết thông qua Tờ trình về lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2021.
9. Biểu quyết thông qua việc ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2021.
10. Biểu quyết thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty CP bia Sài Gòn Miền Trung xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020.

1. Tình hình chung năm 2020:

Năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát đã tác động đến mọi mặt nền kinh tế trong và ngoài nước. Ở nước ta sau giai đoạn giãn cách, đại dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, các hoạt động kinh tế bắt đầu khởi động trở lại nhưng khó khăn và rủi ro cho nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước vẫn còn lớn.

Mặt khác thời tiết khí hậu diễn biến hết sức phức tạp, thiên tai bão, lũ, sạt lở đất và hạn hán xâm nhập mặn đã tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trên thị trường thấp, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như bia, rượu.

Hệ lụy tin đồn thất thiệt "Bia Sài Gòn bán cho Trung Quốc" tiếp tục ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ bia Sài Gòn.

Ngoài ra Nghị định 100/2019/NĐ-CP đặt ra các quy định chặt chẽ hơn đối với quảng bá bia, rượu cũng như áp dụng các hình phạt nặng hơn khi tham gia điều khiển phương tiện giao thông dẫn đến tình hình tiêu thụ bia, rượu trên thị trường gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của của Tổng công ty; cùng với sự nỗ lực của HDQT, Ban điều hành và người lao động toàn Công ty; ngoài việc phối hợp với các đơn vị Thương mại khu vực đẩy mạnh tiêu thụ bia Sài Gòn, toàn Công ty tập trung sản xuất và tiêu thụ bia tự doanh nên góp phần đưa sản lượng bia tự doanh đạt mức khá để bù đắp cho sản lượng bia Sài Gòn thiếu hụt so với cùng kỳ do biến động thị trường, đã góp phần hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2020.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với	
				KH	TH	KH 2020	CK 2019
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	215,68	166,02	184,88	111,36	85,72
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.542,70	1.036,47	1.182,12	113,20	76,63
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	259,09	105,5	188,16	178,35	72,62
4	Nộp ngân sách (phải nộp)	Tỷ.đ	1.415,83	946,82	1.093,94	115,54	77,26
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	6.461		4.313		66,75

3. Hoạt động của HDQT trong năm 2020:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 06 phiên họp trực tiếp và 04 lần họp bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, ban hành 10 Nghị quyết và 25 Quyết định để chỉ đạo hoạt động của Công ty liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020; Công tác tổ chức, tiền lương, nhân sự Công ty; Ban hành định mức tiêu hao nguyên vật liệu; Thực hiện các dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu của thị trường.



Việc giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được HĐQT thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch của HĐQT và Đại hội cổ đông đề ra. Ban Điều hành có sự phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng, Ban điều hành luôn chủ động sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình và thực sự là một tập thể đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau để cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

HĐQT đã nhận thù lao HĐQT theo quy định tại các chính sách của Công ty cũng như theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Thông nhất chọn đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán cho Tổng Công ty năm 2020 là Công ty kiểm toán KPMG làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 với tỉ lệ 35% cho cổ đông Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua và đã chi tạm ứng cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 35%.

3.1 Cơ cấu tổ chức nhân sự.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức, điều hành quản lý và tinh gọn lao động trong toàn Công ty.

Thường xuyên tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ quản lý, kỹ thuật của Công ty tham dự các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, kỹ thuật do Tổng Công ty và các cơ sở khác tổ chức.

3.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặc dù năm qua có nhiều khó khăn, nhưng tổng sản lượng tiêu thụ đạt trên 184,88 triệu lít, bằng 111,36% kế hoạch năm, và lợi nhuận trước thuế đạt 188,16 tỷ đồng, bằng 178,35% kế hoạch năm. Kết quả này nói lên sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự cố gắng, linh hoạt của Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động SXKD toàn công ty.

3.3 Hoạt động đầu tư phát triển.

Trong năm HĐQT đã ban hành các quyết định đầu tư để đáp ứng nhu cầu sản xuất cũng như đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Thực hiện đúng với kế hoạch đầu tư đã phê duyệt và thông qua, trong đó có việc mua sắm trang thiết bị theo yêu cầu của SABECO, tiên phong trong việc triển khai đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời tại 3 Nhà máy (DakLak, Quy Nhơn, Phú Yên) bước đầu mang lại hiệu quả; đầu tư hệ thống máy lạnh 400 kw tại Nhà máy bia Sài Gòn – Phú Yên.

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

1. Tình hình chung:

a. Thuận lợi

- Nhờ kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh COVID-19, nên Việt Nam được đánh giá là “điểm sáng kinh tế năm 2021”, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước sớm ổn định sau thời gian bị khủng hoảng bởi đại dịch đi vào phát triển.

- Bia Sài Gòn vẫn giữ vững là thương hiệu mạnh với chất lượng ổn định và giá bán phù hợp.

- Tổng công ty Sabeco và chính quyền địa phương sở tại luôn quan tâm sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nhiều mặt, nhất là trong công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập thể CBCNV Công ty có trình độ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết cao là nền tảng cho sự phát triển của Công ty.

b. Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh ở nhiều nước, khu vực trên thế giới vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp chưa được kiểm soát, nguy cơ đại dịch có thể bùng phát trở lại làm cho nhu cầu tiêu dùng giảm, nhất là những mặt hàng không thiết yếu như rượu, bia.

- Nghị định số 100/NĐ-CP tiếp tục còn ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ bia, rượu.

- Tình hình thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng hạn hán, bão, lũ, sạt lở đất, ngập mặn, ... sẽ ảnh hưởng đến đời sống và tiêu dùng của người dân.

2. Một số chỉ tiêu chính:



STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%KH2021 /TH2020
1	Sản lượng sản xuất - tiêu thụ	Tr.lít	184,88	202,00	109,26
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.182,12	1.315,03	111,24
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	188,16	152,82	81,22
4	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	1.093,93	1.241,41	113,48

3. Phương hướng thực hiện:

- Về công tác lao động: Bố trí sử dụng lao động hợp lý, quyết liệt sắp xếp, tinh giản để nâng cao năng suất lao động chung toàn Công ty; Cùng cố, bổ sung nhân sự đủ năng lực cho các vị trí quản lý và chuyên môn; Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CB-CNV quan tâm nâng cao đời sống CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu công việc ngày càng cao.

- Về công tác quản trị sản xuất kinh doanh: Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục rà soát tiết giảm chi phí trong tất cả các khâu. Chuẩn bị các giải pháp để ứng phó kịp thời với các khó khăn (Dịch bệnh, tin đồn, biến đổi thời tiết khí hậu, ...). Chủ động phối hợp với các đơn vị Thương mại khu vực đẩy mạnh quảng bá tiêu thụ bia Sài Gòn; Tiếp tục thực hiện ý kiến kết luận của Tổng giám đốc Sabeco: Bia Sài Gòn và bia Quy Nhơn phải cùng nhau phát triển, hạn chế tối đa sự cạnh tranh, tìm giải pháp để cùng nhau phát triển nhằm hạn chế bia đối thủ phát triển.

- Về công tác đầu tư: Tiếp tục tập trung ưu tiên đầu tư trang thiết bị các dự án có tính cấp bách nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, các dự án mang tính chiến lược của Công ty, đảm bảo hoạt động SXKD, tiết giảm năng lượng, điện, nước, chi phí bảo trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý Công ty.

- Các mặt công tác khác:

+ Nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong lao động.

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua, lao động sáng tạo trong cán bộ công nhân viên và người lao động toàn Công ty, đây là công việc thường xuyên có tác dụng đẩy mạnh tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Quan tâm và triển khai thực hiện tốt công tác ATTP, PCCC, môi trường, ... và thực hiện các chính sách đối với người lao động đúng pháp luật.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP bia Sài Gòn Miền Trung xem xét góp ý kiến.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Văn thư.



Thành phố Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2021

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung (“SMB”) đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thường niên năm 2016 thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 05/6/2020 của ĐHĐCD thường niên 2020;
- Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020,

Ban Kiểm soát SMB kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 cụ thể như sau:

I. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của SMB:

1. Thù lao của Ban kiểm soát: Thực hiện Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 05/6/2020 của ĐHĐCD thường niên năm 2020, thù lao của Ban kiểm soát cụ thể:

STT	Ban kiểm soát	Đã phê duyệt (đồng/người-tháng)	Đã nhận năm 2020 (đồng/người-tháng)	Ghi chú
1	Trưởng ban kiểm soát	15.000.000	15.000.000	Chuyên trách
2	Kiểm soát viên	7.500.000	7.500.000	

2. Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của SMB:

- Ban kiểm soát được SMB chi trả toàn bộ chi phí hoạt động theo Quy chế quản lý tài chính của SMB và toàn bộ chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB theo quy định;
- Các lợi ích khác của Ban kiểm soát: Không có.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

2.1 Tổng kết số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2020: Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, bao gồm: 01 cuộc họp tại trụ sở SMB, 01 cuộc họp tại Chi nhánh Quy Nhơn và 01 cuộc họp tại Chi nhánh Phú Yên. Tại mỗi phiên họp, Ban kiểm soát đã lập Biên bản để ghi nhận các nội dung đã được kiểm soát.

Ngoài ra, để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả cuộc họp do HĐQT tổ chức, soát xét và kiểm tra các văn bản do HĐQT và Ban điều hành phát hành. Trong các cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát đã có ý kiến đóng góp thiết thực về hoạt



động sản xuất kinh doanh của SMB. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát đã tổ chức các hoạt động như:

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính chính xác của các thông tin công bố đến các cổ đông SMB;

- Ban kiểm soát đã thường xuyên trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình quản trị SMB, tổng hợp và phân tích các ý kiến nhằm đưa ra các giải pháp nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho SMB;

- Đối với việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính SMB: Theo định hướng của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco), SMB đã chọn đơn vị đang kiểm toán độc lập tại Sabeco là Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát nhận định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập của SMB là phù hợp với quy định.

2.2 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Quá trình giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB và qua việc thẩm tra các Báo cáo tài chính bán niên và năm 2020 của SMB, Ban kiểm soát ghi nhận như sau:

2.2.1. Về tình hình hoạt động:

Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành theo Điều lệ SMB; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban điều hành và Quy chế quản lý tài chính của SMB, cụ thể:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo và quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB.

- Ban điều hành đã khẩn trương triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đã chỉ đạo tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB, qua đó đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao.

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB là phù hợp với Điều lệ SMB và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

2.2.2 Về tình hình tài chính:

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của SMB đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính hợp nhất của SMB tại thời điểm 31/12/2020; Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, đã được trình bày theo đúng quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2.3 Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/ Kế hoạch (%)
1	Sản lượng tiêu thụ	Triệu lít	166,02	184,88	111,36%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.036,47	1.182,12	114,05%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	105,50	188,16	178,35%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	946,81	1.093,93	115,54%

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.



2.3 Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành của SMB:

Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ SMB, Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động của HĐQT; Tổng giám đốc và các người điều hành của SMB, theo đó Ban kiểm soát nhận định rằng: HĐQT; Tổng giám đốc và các người điều hành của SMB đã quản lý và điều hành SMB theo Điều lệ SMB, cụ thể:

- Việc triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định;
- Việc triệu tập và tổ chức các phiên họp của HĐQT theo quy định. Nội dung các phiên họp cũng như Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đều sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB, đảm bảo tính kịp thời và mang lại hiệu quả cao nhằm hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ giao;
- HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành của SMB đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý thuế, Luật Lao động, Luật kế toán, ... đối với công ty cổ phần;
- Việc công bố thông tin của SMB theo đúng quy định của pháp luật;

2.4 Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông của SMB luôn luôn đảm bảo nguyên tắc đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của ĐHCĐ SMB và vì lợi ích chung.
- HĐQT và Ban điều hành đã luôn luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ. Các ý kiến và đề xuất của Ban kiểm soát đều đã được HĐQT và Ban điều hành xem xét và chỉ đạo các đơn vị/cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ SMB và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được ĐHCĐ giao, Ban kiểm soát xác định kế hoạch hoạt động năm 2021 chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021;
- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021 của SMB;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra/kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Báo cáo của Ban kiểm soát đã được 03/03 thành viên thống nhất thông qua, Ban kiểm soát báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát nêu trên.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT; BKS; BĐH;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban


Nguyễn Văn Dũng



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

H
S
H
H
H



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00278-21-5



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		320.317.362.731	281.884.785.324
Tiền	110	6	33.104.638.484	2.871.359.158
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.732.575.998	80.096.444.281
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.652.582.387	59.325.697.589
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.723.195.705	5.500.252.397
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.040.331.888	15.840.375.372
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.729.225.086)	(1.655.325.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.691.104	1.085.444.009
Hàng tồn kho	140	9	167.308.151.278	191.869.020.884
Hàng tồn kho	141		167.951.109.804	191.869.020.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(642.958.526)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.171.996.971	7.047.961.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.168.085.736	7.044.049.766
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		475.730.279.739	535.401.050.266
Tài sản cố định	220		374.999.860.314	431.082.526.733
Tài sản cố định hữu hình	221	10	374.327.436.071	430.558.208.971
Nguyên giá	222		1.451.924.003.819	1.434.146.213.609
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.077.596.567.748)	(1.003.588.004.638)
Tài sản cố định vô hình	227	11	672.424.243	524.317.762
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(807.211.947)	(882.339.200)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.545.867.292	7.905.148.336
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.249.970.779)	(1.890.689.735)
Tài sản dở dang dài hạn	240		655.011.307	1.681.717.228
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	655.011.307	1.681.717.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	42.442.601.821	42.442.601.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		50.086.939.005	52.289.056.148
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	46.279.308.036	48.552.393.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.807.630.969	3.736.662.904
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		796.047.642.470	817.285.835.590

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

1204
 H.N.T
 NG.T
 KPI
 PHỔ

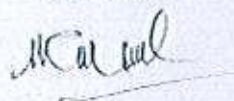
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		328.744.810.852	345.275.379.297
Nợ ngắn hạn	310		309.431.136.463	321.860.273.196
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	13.865.143.967	27.651.643.546
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.254.033.665	29.076.869.682
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	119.623.698.166	135.976.108.503
Phải trả người lao động	314		24.040.825.512	14.048.170.747
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.472.574.493	2.122.999.311
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.545.455	32.854.350
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	58.767.084.243	50.126.463.811
Vay ngắn hạn	320	18	47.855.837.646	60.109.306.459
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.527.393.316	2.715.856.787
Nợ dài hạn	330		19.313.674.389	23.415.106.101
Phải trả dài hạn khác	337		1.000.000.000	5.497.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	18.313.674.389	17.917.606.101
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		467.302.831.618	472.010.456.293
Vốn chủ sở hữu	410	21	467.302.831.618	472.010.456.293
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	74.810.094.569	64.457.934.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.014.022.356	109.073.807.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.599.641.028	865.920.851
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.414.381.328	108.207.886.213
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		796.047.642.470	817.285.835.590

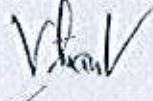
Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.159.399.599.625	1.492.671.781.183
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	1.063.591.285
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.159.399.599.625	1.491.608.189.898
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	915.196.518.758	1.170.307.695.909
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		244.203.080.867	321.300.493.989
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.483.761.884	19.775.143.069
Chi phí tài chính	22		3.382.380.168	4.749.668.737
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.382.308.682	4.739.324.496
Chi phí bán hàng	25	29	25.306.403.240	26.154.103.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	61.478.473.126	68.838.635.032
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		157.519.586.217	241.333.229.776
Thu nhập khác	31	31	19.237.329.875	31.317.872.741
Chi phí khác	32	32	12.952.418.346	11.189.031.872
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.284.911.529	20.128.840.869
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		163.804.497.746	261.462.070.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	32.997.816.483	49.038.332.909
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(70.968.065)	(247.416.477)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		130.877.649.328	212.671.154.213

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyễn
Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Đông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	163.804.497.746	261.462.070.645
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.924.014.187	89.426.568.648
Các khoản dự phòng	03	2.236.759.189	1.049.231.875
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.095.025)	292.527
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.165.778.737)	(19.897.818.627)
Chi phí lãi vay	06	3.382.308.682	4.739.324.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	245.179.706.042	336.779.669.564
Biến động các khoản phải thu	09	4.289.968.283	23.896.324.264
Biến động hàng tồn kho	10	23.917.911.080	(14.308.023.023)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.088.492.857	(39.104.288.712)
Biến động chi phí trả trước	12	4.149.049.238	1.966.328.515
		285.625.127.500	309.230.010.608
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.482.572.742)	(5.140.444.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.946.438.542)	(35.320.972.553)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	566.210.000	316.415.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.965.295.846)	(14.764.900.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215.797.030.370	254.320.108.420
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(36.359.579.020)	(84.623.755.757)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	122.727.272
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(355.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	315.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.481.666.859	7.446.735.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.877.912.161)	(77.054.293.129)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

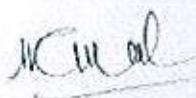
Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
----------------------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	693.300.000.000	777.850.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(705.553.468.813)	(826.393.875.252)
Tiền chi trả cổ tức	36	(100.434.465.095)	(153.547.071.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(112.687.933.908)	(202.090.946.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	30.231.184.301	(24.825.131.095)
Tiền đầu năm	60	2.871.359.158	27.696.782.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.095.025	(292.527)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	33.104.638.484	2.871.359.158

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hồ Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Kế hoạch thù lao năm 2021
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

- Căn cứ Công văn số 182/CV-BSG ngày 01/3/2021 của Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 22/3//2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng số thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

- + Hội đồng quản trị: 494.000.000 đồng
- + Ban kiểm soát: 364.000.000 đồng (Bao gồm Trưởng ban chuyên trách).
- Tổng cộng: 858.000.000 đồng**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.



TP Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018,

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã họp và thống nhất nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua dự thảo việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.
2. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.

(Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS được đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.



Điều lệ cũ **Điều lệ mới**

BẢNG TÓNG HỢP NHỮNG THAY ĐỔI CƠ BẢN GIỮA ĐIỀU LỆ MỚI VÀ CŨ, DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG

Dự thảo

Căn cứ điều chỉnh, thay đổi Điều lệ

Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật Doanh nghiệp 2014, có một số điểm, nội dung mới thay đổi so với LDN 2014 và Điều lệ cũ không còn phù hợp.

Điều lệ mới được biên soạn lại tham chiếu theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/BTC ngày 31/12/2020, hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

<u>Tổng quan</u>	<u>Tổng quan</u>
Có XXI chương và 55 điều	Có XXI chương và 62 điều
Cơ cấu chương, điều như Điều lệ	Cơ cấu chương, điều như Điều lệ mẫu của BTC tại Thông tư số 16/2020/BTC ngày 31/12/2020

Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ
<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại 0 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu cổ quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>đ) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận</p>

Được làm rõ hơn một số thuật ngữ giúp giúp tình gọi câu chữ, trước đây Luật doanh nghiệp 2014 không có định nghĩa nên có rất nhiều quy định phải nhắc lại cả khái niệm dài dòng.

Điều lệ mẫu bổ sung một số khái niệm về Vốn có quyề biểu quyết (theo khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Cổ đông, Cổ đông sáng lập Cổ đông lớn (theo khoản 2 khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 18 Điều

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>quy định tại 0 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g) <i>Người điều hành công ty</i> là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;</p> <p>h) <i>Người quản lý công ty</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cả nhân giữ chức danh quản lý khác theo bổ nhiệm của HĐQT;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cả nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) <i>Cổ đông</i> là cả nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này</p> <p>o) <i>Sổ giao dịch chứng khoán</i> là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>Luật Chứng khoán).</p> <p>Đưa thêm Kiểm soát viên v. tất cả Người đại diện theo pháp luật vào danh sách người có liên quan.</p>
<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty+</p> <p>1. Tên Công ty</p>	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi						
<p>Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIÊN TRUNG</p> <p>Tên tiếng Anh : SAIGON-MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Tên viết tắt : SMB</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ : 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Bùn Ma Thuật, tỉnh DakLak.</p> <p>- Điện thoại : 0262.3877519.</p> <p>- Fax : 0262.3877455.</p> <p>- Website : biasaigonmt.com.vn.</p> <p>4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIÊN TRUNG</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON-MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY</p> <p>- Tên Công ty viết tắt: SMB</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Bùn Ma Thuật, tỉnh DakLak.</p> <p>- Điện thoại : 0262.3877519.</p> <p>- Fax : 0262.3877455.</p> <p>- Website : biasaigonmt.com.vn.</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:</p>	<p>Ghi theo ngành nghề theo giấy phép kinh doanh mới nhất</p> <p>Bỏ mã ngành 7710 Cho thuê xe có động cơ để phù hợp quy định tỷ lệ sở hữu như đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp</p>						
<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, còn và nước giải khát; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, còn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm; Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm; Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="375 1003 411 1182">Mã ngành</th> <th data-bbox="375 1182 411 1794">Nội dung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="279 1003 375 1182">1103 (Chính)</td> <td data-bbox="279 1182 375 1794">Sản xuất Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia</td> </tr> <tr> <td data-bbox="143 1003 279 1182">1101</td> <td data-bbox="143 1182 279 1794">Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Chi tiết: Sản xuất rượu</td> </tr> </tbody> </table>	Mã ngành	Nội dung	1103 (Chính)	Sản xuất Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia	1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Chi tiết: Sản xuất rượu	
Mã ngành	Nội dung							
1103 (Chính)	Sản xuất Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia							
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Chi tiết: Sản xuất rượu							

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi																													
<p>cho thuê; Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông lâm thổ sản, xăng dầu; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch; Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1332 1003 1428 1198">1104</td> <td data-bbox="1332 1198 1428 1825">Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát</td> <td data-bbox="1332 1825 1428 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1157 1003 1332 1198">2825</td> <td data-bbox="1157 1198 1332 1825">Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm</td> <td data-bbox="1157 1825 1332 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1029 1003 1157 1198">4633</td> <td data-bbox="1029 1198 1157 1825">Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát</td> <td data-bbox="1029 1825 1157 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="869 1003 1029 1198">4659</td> <td data-bbox="869 1198 1029 1825">Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành nghề công nghiệp thực phẩm</td> <td data-bbox="869 1825 1029 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="710 1003 869 1198">6810</td> <td data-bbox="710 1198 869 1825">Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng</td> <td data-bbox="710 1825 869 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="646 1003 710 1198">4101</td> <td data-bbox="646 1198 710 1825">Xây dựng nhà ở</td> <td data-bbox="646 1825 710 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="550 1003 646 1198">4102</td> <td data-bbox="550 1198 646 1825">Xây dựng nhà không ở Mã ngành cũ 4100 Xây dựng nhà các loại</td> <td data-bbox="550 1825 646 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="391 1003 550 1198">8560</td> <td data-bbox="391 1198 550 1825">Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm</td> <td data-bbox="391 1825 550 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="295 1003 391 1198">5510</td> <td data-bbox="295 1198 391 1825">Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn</td> <td data-bbox="295 1825 391 2210"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="151 1003 295 1198">5610</td> <td data-bbox="151 1198 295 1825">Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng</td> <td data-bbox="151 1825 295 2210"></td> </tr> </table>	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát		2825	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm		4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát		4659	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành nghề công nghiệp thực phẩm		6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng		4101	Xây dựng nhà ở		4102	Xây dựng nhà không ở Mã ngành cũ 4100 Xây dựng nhà các loại		8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm		5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn		5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát																														
2825	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm																														
4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát																														
4659	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành nghề công nghiệp thực phẩm																														
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng																														
4101	Xây dựng nhà ở																														
4102	Xây dựng nhà không ở Mã ngành cũ 4100 Xây dựng nhà các loại																														
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm																														
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn																														
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng																														

 Theo quy định mới của Luật 2020 là Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Ngành nghề đăng ký phải tuân thủ các quy định liên quan đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp Khoản 1 điều 7 Luật doanh nghiệp : Quyên của doanh nghiệp được tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm. |

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi						
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>3. Quan hệ với Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn:</p> <p>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn. Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn chi phối</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1332 1008 1420 1187">7912</td> <td data-bbox="1332 1187 1420 1814">Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1268 1008 1332 1187">4933</td> <td data-bbox="1268 1187 1332 1814">Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</td> </tr> <tr> <td data-bbox="989 1008 1268 1187">Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</td> <td data-bbox="989 1187 1268 1814">Kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản titan, nông lâm thổ sản, xăng dầu. Kinh doanh, sản xuất cồn, nguyên liệu ngành công nghiệp thực phẩm</td> </tr> </table> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <p>Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước</p> <p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</p>	7912	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản titan, nông lâm thổ sản, xăng dầu. Kinh doanh, sản xuất cồn, nguyên liệu ngành công nghiệp thực phẩm	
7912	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch							
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ							
Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản titan, nông lâm thổ sản, xăng dầu. Kinh doanh, sản xuất cồn, nguyên liệu ngành công nghiệp thực phẩm							

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung thông qua:</p> <p>Quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con;</p> <p>Năm giữ cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn;</p> <p>Định hướng phát triển;</p> <p>Tiêu thụ sản phẩm.</p>		
<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 29.846.648 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần”.</p> <p>2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện</p>	<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p> <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 29.846.648 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông năm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục số 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của 0.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần phải trả một khoản phí chuyển nhượng theo quy định của Công ty.</p> <p>Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của</p>	<p>điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Người sở hữu số cổ phần phải trả một khoản phí chuyển nhượng theo quy định của Công ty.</p> <p>5. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận có phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận có phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận có phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận có phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu có phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận có phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng nhận có phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p> <p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p> <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>được cấp miễn phí</p> <p>6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p> <p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành đề tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành đề tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lệ theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết</p>	<p>Điều 10. Thêm Điều 10 và điều lệ cũ- Điều lệ mới không có</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p> <p>Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông biểu quyết phân đôi Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</p>	<p>định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p> <p>Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ</p>	<p>Điều 11. Thêm Điều 11 t điều lệ cũ- Điều lệ mới không có</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>Điều 12. Thêm Điều 12 từ điều lệ cũ- Điều lệ mới không có</p>
<p>Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần</p>	<p>Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật và chứng khoán có quy định khác.</p> <p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>	<p>giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật và chứng khoán có quy định khác.</p> <p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>	
<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>Như cũ</p>
<p>Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p>	<p>Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p>	
<p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc. 	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng giám đốc. 	
<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Nhận cổ tức; Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ 	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 	<p>Điều lệ mẫu bổ sung một số quyền khác như quyền được đòi xử bình đẳng; Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường... (theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Điều 271 Nghị định 155/2020/NĐ-CP). Ngoài ra, Điều lệ mẫu bổ sung quy định về quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (Khoản</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>cò phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng văn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; văn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i) Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12) theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Không cần phải sở hữu liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng nữa</p> <p>Theo điều lệ cũ và luật cũ phép thì điều lệ mới giữ</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
	<p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trữ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ). Có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số</p>	<p>nguyên nhóm cổ đông sẽ hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyết đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 	<p>ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc 	<p>5. Điều lệ mẫu bỏ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông về bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật (theo Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020).</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nhiệm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoại phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 16 hoặc nhân được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 16 của Điều lệ này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 16 có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	<p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhân được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngân hàng và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Mức cổ tức với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>o. Các văn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Điều 17.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các văn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>m) Tờ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p> <p>o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>s) Các văn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các văn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 18. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội</p>	<p>2. Điều lệ mẫu bổ sung nội</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 18, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu</p>	<p>đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>dung về việc cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp EHDCCD, đồng thời bổ sung nội dung về văn bản ủy quyền dự họp EHDCCD được lập theo quy định của pháp luật dân sự.</p>
20/66		
<p>Điều 19. Điều chỉnh tỷ lệ của Điều lệ cũ theo Điều lệ mẫu</p>		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tới thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tới thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tới thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tới thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>Điều lệ mẫu bỏ sung nội dung về việc cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp DHDCE (khoản 1 Điều 16) theo các hình thức được quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp; đồng thời bỏ sung nội dung về văn bản ủy quyền dự họp DHDCE được lập theo quy định của pháp luật dân sự (khoản 2 Điều 16).</p>
<p>Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 16.4b hoặc Điều 16.4c Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức báo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày</p>	<p>định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các cổ đông hoặc/và đăng biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p>	<p>a) Điều lệ mẫu sửa đổi thành: "Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị, vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến</p>	<p>1. Luật doanh nghiệp cũ quy định ít nhất 51%</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 20.3 của Điều lệ này.</p> <p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phân đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phân đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phân đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách</p>	<p>hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành</p>	<p>Điều 22 thay đổi theo luật mới và Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.</p>	<p>đề quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>	<p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
<p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trưởng hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra người chủ trì. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trưởng hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trưởng hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trưởng hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>b) Từ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>7. Trưởng hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 22, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các</p>	<p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bao đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;</p>	<p>đang chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bao đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp can trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo bảo vệ cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>10. Mờ thêm áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>d) Tô chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ</p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của</p>	<p>của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>đ) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ;</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>c) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi</p>	<p>Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>hợp; e) Sổ cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các văn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>i) Điều lệ mẫu bỏ sung quy định khi chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp (theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trương hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 	
<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tới thiểu số 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nêu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội 	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người].</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tái cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ</p>	<p>viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đồng ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>		
<p>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch, kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số có phần được chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chi đình và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch ngân sách kinh doanh</p>	<p>nghe;</p> <p>h) Ngoài ngành nghề đã ghi tại điều 4 Điều lệ Công ty, Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT được quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty mà pháp luật không cấm</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với TGD và Người quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>l) Sau khi HĐQT thông qua, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD; Ủy quyền cho TGD ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với với các chức danh quản lý còn lại.</p> <p>m) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>n) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh trực thuộc công ty, văn phòng đại diện trực thuộc công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>p) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh</p>	<p>h) thêm bổ sung ngành nghề phụ</p> <p>k) người quản lý quan trọng khác sửa thành Người quản lý thuộc thẩm quyền cử HĐQT</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đã được phê duyệt hàng năm.</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt Công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường</p>	<p>doanh;</p> <p>r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>s) Tùy theo tổng mức đầu tư, trị giá hợp đồng HĐQT có thể phân cấp ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD phê duyệt các bước đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>t) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty đó là Quy chế hoạt động của Ban điều hành Công ty, Quy chế quản lý tài chính Công ty; Quy định về quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác; Quy chế về công bố thông tin của công ty, Quy chế tiền lương, tiền thưởng phúc lợi Công ty; Định mức kinh kế kỹ thuật và Đơn giá tiền lương Công ty.</p> <p>u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>b) Chi định và bài nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>c) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm,</p>	<p>4. Thêm vào từ điều lệ cũ vì Điều lệ mẫu không có mà không trái luật</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>đ) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch ngân sách kinh doanh đã được phê duyệt hàng năm.</p> <p>đ) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>e. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>g. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.</p> <p>Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành</p>	<p>5. Thêm vào khoản 5 điều 156 Luật doanh nghiệp, Công ty đang có chức danh thư ký công ty</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị đề bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ đề thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội</p>	<p>hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đồng quản trị cho các cô đồng tại Đại hội đồng cô đồng:</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng</p>	<p>Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng</p>	<p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời</p>	<p>6. Thông báo mời họp phải gửi chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, Điều lệ cũ quy định phải được gửi trước ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại các Khoản 4a và 4b Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được kháng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự</p>		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>cuộc họp này.</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh.</p> <p>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>		<p>Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 34. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật</p>	<p>phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>Điều 34. Thư ký Công ty,</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp</p> <p>2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ HĐQT</p> <p>Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5</p>	<p>Điều 34: Thêm vào vì trong điều lệ mẫu không có nhưng Công ty vẫn đang có chức danh Thư ký và Luật doanh nghiệp có quy định quyền và nghĩa vụ của thư ký công ty</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>pháp;</p> <p>f. Những nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.</p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị của công ty nhiệm yết phải bỏ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ</p>	<p>Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HĐQT công ty.</p> <p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	

THƯ KÝ CÔNG TY	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Công ty có bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê chuẩn. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		
<p>Điều 32. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>Điều 37. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>2. Tiền lương và thưởng của Người điều hành Công ty do HĐQT công ty quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản</p>	
<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p>			

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyên dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng có đồng thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đồng thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p>	<p>tri hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng có đồng thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyên dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.</p> <p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>Điều lệ mới</p> <p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn thận và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chi định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản</p>	<p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường</p>	<p>2. Điều lệ mẫu sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát (theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp).</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>lý khác cung cấp các thông tin liên quan đề báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo</p>	<p>hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>Điều 36. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;</p>	<p>Điều 41. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đàm phán phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>g. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải báo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát</p>	<p>Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ này].</p>	
	<p>Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</p> <p>Điều 37. Trách nhiệm cần trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p> <p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;</p>	<p>Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác;</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b. Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b. Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghi quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban thực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mãn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao</p>	<p>hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cân trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cân trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 40. Quyền điều tra số sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm</p>	<p>XI. QUYỀN TRA CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 47. Quyền tra cứu số sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu số sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p>	<p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	
<p>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động</p>	<p>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 48. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>thời việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
<p>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</p>	<p>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 49. Phân phối lợi nhuận</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mỗi loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, Công ty phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>cách có đồng hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật</p>	<p>chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUY DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 43. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p> <p>Điều 50. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	
<p>Điều 44. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	<p>Điều 51. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.</p>	
<p>Điều 45. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của</p>	<p>Điều 52. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p> <p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p> <p>Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc</p>	<p>Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p> <p>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		
<p>Điều 47. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 54. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	
<p>Điều 48. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phân ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>Điều 55. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	
<p>XVII. CON DẤU</p>	<p>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</p>	
<p>Điều 49. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và trước khi sử dụng, thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 56. Dấu của doanh nghiệp 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện</p>	<p>Luật doanh nghiệp đánh 01 điều về dấu của doanh nghiệp. Ngoài con dấu khác thì bổ sung thêm hình thức con dấu bằng chữ ký số Bộ quy định phải thông báo</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và các nội dung bắt buộc phải có trong con dấu</p>
<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</p> <p>Điều 57. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
<p>Điều 51. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 58. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	
<p>Điều 52. Thanh lý</p> <p>1. Tới thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc</p>	<p>Điều 59. Thanh lý</p> <p>1. Tới thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Các chi phí thanh lý; Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; Các khoản vay (nếu có); Các khoản nợ khác của Công ty; Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. <p>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông với Công ty; hoặc Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp. <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp</p>	<p>động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty; Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. <p>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông với Công ty; Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p> <p>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 2. Trường hợp hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. <p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ngày 23 tháng 06 năm 2018) của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung tại TP. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua, thay thế bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2016 tại TP. Hồ Chí Minh. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: <ol style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương. b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định 	<p>phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p> <p>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 61. Điều lệ công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty <p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 62. Ngày hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản điều lệ này gồm XXI chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tới thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thay đổi
<p>của Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố.</p> <p>c. Bón (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành.</p> <p>5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p> <p>TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/CHỦ TỊCH</p>		